

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/ DS- ST
Ngày 29 tháng 10 năm 2021
*“V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản ”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH - KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2021/TLST- DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐST-DS ngày 29/7/2020 và thông báo số: 27/2021 ngày 12/10/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1987 (*có mặt*)

2. *Bị đơn:* Bà **Hình Thị L**, sinh năm 1973 (*có mặt*);

Cùng địa chỉ: Ấp 8II, xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 13/11/2020 và quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn D trình bày và yêu cầu như sau:***

Vào ngày 07/02/2013 ông D có cho bà Hình Thị L vay số tiền là 10.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 900.000đ/tháng, không quy định thời hạn trả tiền vốn. Khi nhận tiền vay thì bà L có viết biên nhận giao cho ông D cất giữ. Từ khi vay cho đến nay bà L có trả tiền lãi được đến tháng 12/2013 thì ngưng, không trả tiền vốn và không trả tiền lãi suất, ông D làm đơn yêu cầu nhờ chính quyền địa phương ấp 8II hòa giải. Ngày 31/10/2020 ấp hòa giải bà L thừa nhận

2/ BA-DSST

có vay tiền của ông D 10.000.000đ, nhưng đã trả được 2.000.000đ, còn thiếu 8.000.000đ, đồng ý trả một tháng 500.000đ, ông D không đồng ý nên áp hòa giải không thành, ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hình Thị L phải trả tiền cho vay 85.600.000đ, trong đó tiền vốn là 10.000.000đ, trả tiền lãi 75.600.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Hình Thị L đã được tổng đạt thông báo về tổ chức phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai, chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai mà cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông D rút lại một phần yêu cầu bà L trả tiền lãi 66.600.000đ, yêu cầu giải quyết buộc bà L phải trả 10.000.000đ tiền vốn và 9.000.000đ tiền lãi suất.

Bị đơn bà Hình Thị L xác định có vay tiền của ông D 10.000.000đ, có trả tiền lãi theo thỏa thuận một thời gian thì ngưng. Sau đó gặp ông D xin trả tiền vốn, trả được 2.000.000đ, còn nợ lại 8.000.000đ. Nay yêu cầu được trả tiền vốn vì hiện nay không còn tài sản trả nợ.

Ý kiến Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

- Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật của Thẩm phán, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án; Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thực hiện các thủ tục tố tụng từ, xác định mối quan hệ pháp luật, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thì nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 73, 76, 78 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt các phiên họp, chưa thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án:

Sau khi xem xét các chứng cứ và ý kiến trình bày của các đương sự xác định tháng 02 năm 2013 bà L có hỏi vay tiền của ông D 10.000.000đ, vay có lãi. Khi vay có biên nhận, nên được xác định là hợp đồng vay tài sản, không kỳ hạn, có lãi. Sau khi nhận tiền vay có trả tiền lãi được một thời gian thì không trả tiền lãi suất cho ông D, ông có đến đòi thì hẹn, ông D yêu cầu đến chính quyền địa phương giải quyết không thành, ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ông D yêu cầu khởi kiện đòi bà L phải trả số tiền vay vốn 10.000.000đ, tiền lãi 9.000.000đ; Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện

đòi tiền lãi suất đối với bà L 66.600.00đ, xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của ông D là tự nguyện, phù hợp quy định các Điều 235, Điều 244, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không khởi kiện phản tố ngược lại đối với ông D nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông D đối với bà L.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông D đòi bà Lùng phải trả 19.000.000đ, trong đó: tiền vay vốn là 10.000.000đ, lãi suất 9.000.000đ, thấy rằng yêu cầu của ông D nêu ra là phù hợp bởi vì khi vay tiền thì bà L có trả tiền lãi suất cho ông D được một thời gian thì bà ngưng, ông D đòi tiền nhiều lần bà L không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với ông D, nên ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, buộc bà L phải thanh toán số tiền còn thiếu cho D là phù hợp quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự.

Đối với mức lãi suất mà ông D yêu cầu bà L phải trả và số tiền đã trả hiện còn tranh chấp là trả tiền vay vốn hoặc trả tiền lãi suất thấy rằng, bà L vay tiền của ông D tháng 02/2013, trả được một thời gian theo D xác định trả đến tháng 09/2013, từ tháng 10/2013 đến nay không trả tiền lãi là khoản thời gian 8 năm, bà xác định trả tiền vốn cho ông D nhưng ông D không thừa nhận, bà không có chứng cứ gì chứng minh đã trả tiền vốn. Số tiền ông D đòi bà L phải trả tiền lãi nêu trên so mức lãi suất mà pháp luật quy định thì không vượt nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D đòi bà L phải trả tiền lãi đối với ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[2]. *Xét về tố tụng*: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án có tổng đạt các Thông báo thụ lý vụ án cho bà L biết việc ông D khởi kiện đòi tiền vay còn thiếu, bà nhận được thông báo bà có ý kiến thừa nhận có vay tiền của ông D 10.000.000đ, Tòa án tiếp tục thông báo về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vắng mặt đến lần thứ hai nên xác định đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sau đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn D đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi bà L trả tiền lãi suất là 66.600.000đ, bà L không yêu cầu phản tố ngược lại đối với ông D, HĐXX xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông D là tự nguyện phù hợp quy định tại các Điều

243, Điều 244, Điều 235, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh D đối với bà L đòi trả tiền lãi nêu trên.

[3]. *Xét về nội dung và yêu cầu của ông D thấy rằng:* ông D khởi kiện đòi bà L phải trả 19.000.000đ tiền còn thiếu, bà L có ý kiến thừa nhận có vay tiền của ông D nên xác định giao dịch giữa ông D và bà L là hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi là theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Sau khi nhận tiền vay thì bà L không trả tiền lãi cho ông D đúng thỏa thuận nên ông D đến đòi thì bà L hẹn lần lược mà không trả nên phát sinh tranh chấp, ông D khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện An Minh giải quyết đòi bà L phải trả số tiền vay gốc và tiền lãi suất còn thiếu. Thấy rằng; ông D khởi kiện đòi bà L trả tiền vay nêu trên là có cơ sở bởi vì tại tờ tường trình ghi ngày 14/5/2012¹ và biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Minh bà thừa nhận là đã vi phạm thời gian trả tiền cho ông D theo quy định tại khoản 2 Điều 469 bộ luật dân sự nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D để xem xét.

Đối với yêu cầu khởi kiện đòi tiền của ông D đối với bà L thấy rằng, ông D đòi bà L phải trả số tiền 19.000.000đ, trong đó: tiền vốn là 10.000.000đ, tiền lãi suất là 9.000.000đ, thời hạn trả tiền lãi từ tháng 10/2013 đến nay (tháng 10/2021) là 8 năm, số tiền vốn 2.000.000đ bà L trình bày là đã trả tiền lãi cho ông D trong thời gia trả tiền lãi nêu trên, chưa trả tiền vay vốn, lời khai nại của bà L nêu ra không được ông D thừa nhận. Bà không có chứng cứ chứng minh việc trả tiền vay vốn đối với ông D nên không có cơ sở xem xét trừ số tiền vay vốn cho bà L. Đối với yêu cầu của ông D đòi bà L trả 9.000.000đ tiền lãi từ tháng 10/2013 cho đến nay là có cơ sở và thời gian giao dịch vay tài sản giữa ông D đối với bà L xác lập là năm 2013 nên căn cứ vào Quyết định số 2886/QĐNHNN, ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam để tính lãi suất đối với giao dịch vay tài sản giữa ông D và bà L cụ thể như sau:

Mức lãi suất 9%/năm : 12 tháng = 0,75%/tháng x 150% đối với khoản tiền vay quá hạn = 1,12%/tháng. Như vậy 10.000.000 đồng tiền vốn x 1,12% = 112.000đ/tháng x 96 tháng (08 năm) là 10.752.000đ tiền lãi nhưng ông D yêu đòi bà L trả số tiền lãi là 9.000.000đ là không vượt mức lãi suất mà pháp luật quy định nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D và ý kiến của Kiểm sát viên buộc bà L phải thanh toán số tiền vay còn thiếu cho ông D

19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*), trong đó tiền vốn 10.000.000đ, tiền lãi là 9.000.000đ là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với bà Hình Thị L khai nại đã trả cho ông D số tiền lãi và tiền vốn nhưng từ khi Tòa án Thụ lý vụ án cho đến nay, bà không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí của Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1] Buộc bà Hình Thị L phải trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*) tiền vay còn thiếu, trong đó: tiền vốn 10.000.000đ, tiền lãi 9.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không trả hoặc trả không đủ số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đòi bà Hình Thị L trả tiền lãi suất là 66.600.000đ (75.600.000đ - 9.000.000đ).

Về án phí: Buộc bà Hình Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 950.000đ phần phải trả nợ đối với ông D.

Ông D không phải chi án phí hoàn trả lại cho ông D số tiền 2.140.000đ tạm ứng án phí mà ông D tạm nộp theo biên lai số 0006288 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

[3]. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/10/2021.

6/ BA-DSST

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gửi;

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;

Lê Mỹ Huê